

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒;

Giảng viên thỉnh giảng: ☐

Ngành: Sinh học;

Chuyên ngành: Sinh lý thực vật

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Quỳnh Mai

2. Ngày tháng năm sinh: 01/12/1980; Nam ☐; Nữ: ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Xã Văn Bán, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1/132/211, phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 1/132/211, phố Khương Trung, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam;

Điện thoại di động: 0947485588; E-mail: lequynhmai80@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 07 năm 2011: Nghiên cứu viên, Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về Công nghệ Mô Tế bào Thực vật, Viện Di truyền Nông nghiệp, VAAS

Từ tháng 07 năm 2011 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Chức vụ: Hiện nay:

; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84) 0243-8584615 / 8581419

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: (chưa)

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): (không)

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: (không)

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 25 tháng 06 năm 2002; số văn bằng: QC 0582/02 (QĐ số 532/ĐT); ngành: Sinh học; chuyên ngành: Hóa sinh học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 07 năm 2008; Ngành: Tiến sĩ Khoa học Tự nhiên (Dr. rer. nat.); Chuyên ngành: Sinh lý thực vật; Nơi cấp bằng: Đại học Greifswald, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được bổ nhiệm.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hội đồng Chức danh Giáo sư ngành Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu cơ chế phân tử của tính chống chịu bất lợi ở thực vật và cải tạo giống, nhân giống cây trồng nhờ áp dụng công nghệ sinh học

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu các chất có hoạt tính sinh học ở thực vật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn 10 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

Chủ trì: + 01 đề tài Nghị định thư với CH. Pháp, nghiệm thu đạt, năm 2010
+ 01 đề tài Nafosted, nghiệm thu không đạt, năm 2018;
+ 01 đề tài Nghị định thư với Trung Quốc (đã hợp hội đồng cơ sở);

Thành viên: + 01 đề tài thuộc chương trình KC04, nghiệm thu đạt, năm 2011
+ 02 đề tài Nafosted, nghiệm thu đạt, năm 2019 và năm 2023
+ 01 đề tài cấp Sở - Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk (đang thực hiện).

- Đã công bố 39 công trình khoa học gồm 02 chương sách quốc tế và 37 bài báo khoa học; trong đó có 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Các danh hiệu:

- + Chứng nhận đạt danh hiệu “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” giai đoạn 2010-2015 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam số 83/CĐN ngày 01/04/2015.
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 theo quyết định số 2402/QĐ-ĐHKHTN, 26/8/2022;
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2022-2023 theo quyết định số 3322/QĐ-ĐHKHTN, ngày 29/09/2023.
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023-2024 theo quyết định số 274/QĐ-ĐHKHTN, ngày 23/01/2025.

- Khen thưởng liên quan đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học:

- + Giấy khen của Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN cho danh hiệu: đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Ba năm 2014 (QĐ số 1157/QĐ-KHCN), Giải Nhì năm 2016 (QĐ số 1310/QĐ-ĐHKHTN); Giải Nhất năm 2019 (QĐ số 1249/QĐ-ĐHKHTN); khen thưởng năm học 2020-2021 (QĐ số 2561/QĐ-ĐHKHTN, ngày 28/09/2021).
- + Bằng khen của GD ĐHQGHN QĐ số 3231/QĐ-ĐHQGHN, ngày 31/08/2023.
- + Bằng khen của Chủ tịch Hội Nữ trí thức Việt Nam cho Hội viên đã có thành tích xuất sắc trong Nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2018 (QĐ số 90 ngày 2/5/2019 - vào sổ số 22/QĐ-KT)
- + Giải nhì poster Hội nghị Nữ Khoa học và Công nghệ lần thứ nhất năm 2019 Khu vực phía Bắc (tổ chức ngày 17/10/2019 tại 19 Lê Thánh Tông, Hà Nội).
- + Báo cáo viên xuất sắc tại Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc năm 2023 (tổ chức ngày 6/10/2023 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội)

16. Kỷ luật (hành vi vi phạm từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

*** Tiêu chuẩn nhà giáo**

Ở ngạch giảng viên, ứng viên được giao nhiệm vụ giảng dạy cho các chương trình đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và một số nhiệm vụ khác theo quy định chung của ĐHQGHN, của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như quy chế của Đơn vị. Ứng viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ, nghiệp vụ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

Sau khi nhận học vị Tiến sĩ (tháng 7/2008) và sau thời gian gần 3 năm làm nghiên cứu viên tại Phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ tế bào thực vật, Viện Di truyền Nông nghiệp, ứng viên chuyển công tác về Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN theo ngạch giảng viên. Ứng viên đã hoàn thành khóa “Bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đại học” tháng 01/2012 (Số 0015/2012); đã hoàn thành chương trình “Bồi dưỡng kiến thức an toàn phòng thí nghiệm” tháng 11/2014 (Số 0166/2014/ATSH-TQL); đã

được cấp “Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học” tháng 01/2015 (Số 14.0588/NVĐH); tham gia tập huấn “Nâng cao năng lực khảo thí năm học 2019-2020” (số chứng nhận TK19010); chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chứng danh nghề nghiệp Giảng viên đại học” vào tháng 01/2023 (Số 23.0048/GVĐH).

Trong quá trình học tập và công tác, ứng viên tự nhận thấy mình có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, đủ sức khỏe để có thể đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ứng viên có thái độ làm việc cầu thị, nghiêm túc, có trách nhiệm trong công việc và luôn cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

** Nhiệm vụ nhà giáo*

- **Đào tạo:** Ứng viên có thời gian ở ngạch giảng viên chính thức là 13 năm (Theo hợp đồng làm việc số 36/HĐLV-TCCB ngày 24/07/2012) và thời gian tham gia giảng dạy liên tục tại Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN là 14 năm. Trong quá trình công tác, ứng viên luôn hoàn thành định mức nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên. Ứng viên đã tham gia giảng dạy trình độ đại học các học phần/chuyên đề: Sinh lý học thực vật, Sinh học chức năng thực vật, Sinh trưởng và phát triển thực ở thực vật, Hormone thực vật, Cá thể và Quần thể, Kỹ thuật Di truyền, tham gia giảng dạy cho các ngành: Sinh học chuẩn, Công nghệ sinh học, Tài năng sinh học, Sư phạm sinh học (giảng dạy bằng Tiếng Việt), Quốc tế sinh học và Công nghệ sinh học chất lượng cao (giảng dạy bằng Tiếng Anh). Về đào tạo sau đại học, ứng viên tham gia giảng dạy học phần/chuyên đề: Công nghệ sinh học thực vật, Sinh học gốc tự do và Ty thể cho các học viên chuyên ngành Sinh học thực nghiệm. Ứng viên đã và đang làm công tác giáo viên chủ nhiệm của các khóa lớp ngành Công nghệ sinh học và Công nghệ sinh học chất lượng cao.

Ứng viên thường xuyên cập nhật kết quả nghiên cứu vào hoạt động giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo như: hướng dẫn sinh viên, học viên; tham gia các hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn cao học, luận án tiến sỹ tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Học viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

- **Nghiên cứu khoa học:** Từ khi tốt nghiệp đại học đến nay, ứng viên hoạt động chuyên môn khoa học theo đúng hướng ứng viên đã được đào tạo. Hướng nghiên cứu sinh lý thực vật, sinh lý thực vật phân tử được cụ thể hóa bằng các nghiên cứu về công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật, nghiên cứu sinh lý chống chịu của thực vật/cây trồng trước các bất lợi từ môi trường, cải tạo giống cây trồng dựa trên cải biến di truyền, công nghệ chuyển gen, chỉnh sửa gen và nghiên cứu các chất có hoạt tính chiết xuất từ thực vật. Ứng viên chủ trì và tham gia các đề tài theo các hướng nghiên cứu nêu trên. Ứng viên chủ trì 02 đề tài cấp nhà nước (01 đề tài Nghị định thư với Pháp đã nghiệm thu; 01 đề tài Nghị định thư với Trung Quốc đang thực hiện), 01 đề tài Nafosted đã nghiệm thu; tham gia 04 đề tài khoa học các cấp đã nghiệm thu (01 đề tài thuộc chương trình KC04, 02 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp ĐHQGHN), 01 đề tài cấp Tỉnh đang thực hiện và tham gia biên soạn Quốc chí - Tập Động Thực vật. Cho đến thời điểm hiện tại, ứng viên có 39

công trình khoa học, gồm: 02 chương sách quốc tế, 37 công trình trên các tạp chí/nhà xuất bản có uy tín quốc tế và trong nước.

Đề thúc đẩy giao lưu, hợp tác khoa học, ứng viên tích cực tham gia tổ chức và tham dự các hội thảo khoa học. Ứng viên là thành viên ban tổ chức Hội nghị Rencontres de Quy Nhơn Biology Conference thường niên từ năm 2020 đến nay; từ năm 2023 Hội nghị đã nâng tầm quốc tế thành Rencontres de Quy Nhơn: International Biology Conference; ứng viên có tham gia ban Chủ tọa tiểu ban Sinh học thực vật tại một số hội nghị trong chuỗi này. Ứng viên là Thành viên Ban chấp hành Hội Nữ trí thức Việt Nam khóa III 2021-2026 (thuộc Ban chuyên môn). Bên cạnh đó, ứng viên tham gia các hội đồng thẩm định thuyết minh, nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ các cấp; tham gia phản biện các bài gửi đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo và trên các tạp chí chuyên ngành.

- **Các nhiệm vụ khác:** Trong thời gian công tác tại Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN, ứng viên không ngừng nỗ lực rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn và cũng luôn tích cực với các hoạt động tập thể thể hiện qua việc làm Bí thư chi đoàn cán bộ nhiệm kỳ 2013-2014, tham gia Ban chấp hành công đoàn Khoa Sinh học, ĐHKHTN 2 nhiệm kỳ từ 2012-2023, BCH Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2017-2023, tham gia BCH Chi hội nữ trí thức Trường ĐHKHTN: ủy viên khóa 2 (2016-2021), chi hội phó khóa 3 (2021-2026) và tham gia BCH Hội NTT Việt Nam khóa 3 (2021-2026).

Với những nỗ lực trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên tự đánh giá mình luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoàn thành đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định hiện hành.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã HD	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	-	-	02	-	300,5	-	300,5/334,25/270
2	2019-2020	-	-	01	-	265	-	265/270,25/270
3	2020-2021	-	-	-	05	233,5	15	248,5/285/270
4	2021-2022	-	-	-	03	299,5	-	299,5/327,25/240
3 năm học cuối								
5	2022-2023	-	-	-	08	322,5	15	337,5/473,26/240
6	2023-2024	-	-	02	01	255	24	279/460,75/240
7	2024-2025	-	-	02	05	290	9	299/381,5/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ : Ngôn ngữ học tập là Tiếng Anh

- Bảo vệ Luận án TS ☒; Tại nước: CHLB Đức từ năm 2005 đến 2008.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: (Không)

(Thông tin chi tiết được trình bày trong mục Chứng chỉ và Minh chứng kèm theo)

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Tốt nghiệp Tiến sĩ hệ chính quy tại CHLB Đức với ngôn ngữ học tập là Tiếng Anh, Chứng chỉ TOEFL 550 (năm 2005).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Dàm Thị Thu Hà		x		x	2013-2014	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	315/QĐ-ĐHKHTN ngày 06/02/2015 Số hiệu bằng: QM 022747
2	Vũ Thị Hoa Phượng		x	x		2014-2015	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	544/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/03/2016 Số hiệu bằng: QM 027988
3	Nguyễn Phương Quý		x		x	2016-2017	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	918/QĐ-ĐHKHTN ngày 02/04/2018 Số hiệu bằng: QM 032707

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
4	Phùng Thị Thu Hương		x	x		2017-2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	604/QĐ-ĐHKHTN ngày 12/03/2019 Số hiệu bằng: QM 034419
5	Hà Thị Loan		x		x	2017-2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	604/QĐ-ĐHKHTN ngày 12/03/2019 Số hiệu bằng: QM 034420
6	Lê Thị Thảo		x		x	2017-2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	1140/QĐ-ĐHKHTN ngày 14/5/2020 Số vào sổ: 048/20/TN
7	Lê Trần Tuyết Mai		x	x		2022-2023	Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội, VHLKH&CNVN	Bằng cấp ngày 22/11/2023 Số vào sổ: 035/2023/ĐHKHCN-VB-ThS
8	Lê Ngọc Diệp		x	x		2022-2023	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	714/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/3/2024 Số hiệu bằng: QM 044430
9	Lại Thị Yến		x	x		2022-2024	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	4422/QĐ-ĐHKHTN ngày 12/12/2024 Số hiệu bằng: QM 044926
10	Hồ Thị Thương		x		x	2023-2024	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	864/QĐ-ĐHKHTN ngày 14/03/2025 Số hiệu bằng: QM 045625

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang...đến trang...)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ: Không có						
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ: Chưa có						

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KG
I	Trước khi được công nhận TS: không có				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chức năng của các yếu tố phiên mã liên quan đến quá trình phân hóa của rễ lúa bằng phương pháp gây siêu biểu hiện và bất hoạt RNA (RNA interference)	CN	Chương trình Hợp tác khoa học và công nghệ Việt Nam - Cộng hòa Pháp (Cấp Quốc gia)	2008 - 2009	Hợp nghiệm thu ngày 20/03/2010. Số chứng nhận: 2010-66-236/KQNC
2	Nghiên cứu công nghệ RNAi để kiểm soát bệnh virus ở lúa và cà chua		KC04.11/06-10 Nhà nước	2008 - 2010	Hợp nghiệm thu ngày 12/01/2011. Số chứng nhận: 2011-02-172/KQNC
3	Nghiên cứu các mối liên quan giữa khả năng tập chống chịu của khoai tây trước các yếu tố nhiệt độ cao, hạn hán, độ mặn cao	CN	Nafosted 106.06-2012.14	2013 - 2018	Biên bản nghiệm thu, thanh lý HĐ NCKH - không đạt ngày 29/09/2020
4	Nghiên cứu cơ chế phân tử của tính chịu mặn ở lúa thông qua phân tích gen mã hóa cho protein vận chuyển ion Na ⁺		Nafosted 106.NN.02-2013.47	2015 - 2019	Hợp nghiệm thu ngày 15/06/2019. Số chứng nhận: 2019-53-1008/KQNC
5	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài trong họ Thông đỏ (Taxaceae S.F Gray) ở Việt Nam		Nafosted 106.03-2020.28	2021 - 2023	Hợp nghiệm thu ngày 24/03/2024. Số chứng nhận: 2023-53-

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KG
					0378/NS-KQNC
6	Nghiên cứu xây dựng quy trình phát triển chè sạch theo hướng hữu cơ tại Hòa Lạc - Đại học Quốc gia Hà Nội		QG 23.59	2023 - 2024	Họp nghiệm thu ngày 16/12/2024. Số chứng nhận: 2025-53-0529/NS-KQNC
7	Nghiên cứu cải tiến giống lúa về vi chất dinh dưỡng bằng công nghệ sinh học	CN	Nghị định thư NĐT/CN/21/24	2021 - 2025	Đang thực hiện theo QĐ phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KHCN số 959/QĐ-BKHCN ký ngày 26/04/2021
8	Nghiên cứu chiết xuất, bào chế tạo sản phẩm hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày do nhiễm vi khuẩn Hp (<i>Helicobacter pylori</i>) từ nguồn nguyên liệu lá bơ, nâng cao giá trị chuỗi sản phẩm đầu ra cho phát triển cây bơ tại tỉnh Đắk Lắk		Sở KH&CN tỉnh Đắk Lắk	2024 - 2026	Đang thực hiện theo hợp đồng số 138/HĐ-SKHCN ký ngày 05/03/2024

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------------	------------	------------------	---	---	--	----------------	--------------------

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Natural genetic variation in acclimation capacity at sub-zero temperatures after cold acclimation at 4 degrees C in different <i>Arabidopsis thaliana</i> accessions.	3	Tác giả đầu	Cryobiology pISSN: 0011-2240	SCIE IF: 2,7 Q1	60	57(2): 104-112.	08/2008
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Chương sách quốc tế							
2	Chapter 3: Spices Are Also Medicine: Some Studies on Antioxidant and Antibacterial Activities of Spice Plants in Vietnam. In book: "Recent Advances in Alternative Medicine"	1	Tác giả	IntechOpen. ISBN 978-1-83769-700-7, eISBN 978-1-83769-699-4			Trang 33-46	05/2023
3	Chapter 18: Bioactive compounds and biological activities of Vietnamese ginseng (<i>Panax</i>	13		Springer. ISBN 978-3031447457		4	Trang 469-494	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	<i>vietnamesis</i> Ha et Grushv.) In book: "Reference Series in Phytochemistry. Bioactive Compounds in the Storage Organs of Plants"							
II.2	Các bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus							
4	CRISPR/Cas9-mediated improvement of major rice variety TBR225 for low cadmium accumulation	4	Tác giả liên hệ	Plant Breeding and Biotechnology, eISSN 2287-9366	Scopus IF: 1,262 Q3		13: 71-83	04/2025
5	CRISPR-enhanced iron accumulation in TBR225 rice via OsNRAMP7 overexpression	6	Tác giả liên hệ	J Plant Biotechnol, eISSN 2384-1397	Scopus IF: 1,4 Q4		52: 051-059	03/2025
6	CRISPR/Cas9-Mediated HDR for Precise Insertion of Constitutive Promoter: Overexpression of OsNRAMP7 in TBR225 Rice	5	Tác giả liên hệ	Journal of Applied Biology & Biotechnology, eISSN 2347-212X	Scopus IF: 1,59 Q3		Vol. 13(2), pp. 222-231	01/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	The Golgi-localized transporter OsPML4 contributes to manganese homeostasis in rice	8		Plant Science, Online ISSN: 1873-2259	SCIE IF: 5,1 Q1	1	339: 11193 5.	2024
8	Genome-Wide Systematic Characterization of the Yellow Stripe-Like Gene Family and Their Expression Profile in Rice	10	Tác giả liên hệ	Asian Journal of Plant Sciences, ISSN 1682-3974	Scopus IF: 0,786 Q4		22(4): 637 - 650	2023
9	Amenyunnaosides A-C, Three New Neolignans Isolated from <i>Amentotaxus yunnanensis</i> and Their Anti-inflammatory Activities	9		Chemistry and Biodiversity. ISSN: 1612 1872	SCIE IF:2,9 Q?	7	20(6): e2023 00604	2023
10	Improvement of Photosynthetic Performance by Acetic Acid to Enhance Drought Tolerance in Common Bean (<i>Phaseolus vulgaris</i>)	13		Journal of Plant Growth Regulation, ISSN : 1435-8107	SCIE IF: 4,64 Q1	3	42: 7116-7128	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11	Impact of simulated acid rain on the growth of three species <i>Brassica integrifolia</i> , <i>B. rapa</i> , <i>B. juncea</i> in Hanoi, Vietnam.	5		Environmental Science and Pollution Research, ISSN: 0944-1344	SCIE IF: 5,19 Q1	5	29. 42090 - 42101	2022
12	Metabolite and transcript markers for the prediction of potato drought tolerance.	11		Plant Biotechnology Journal, ISSN:1467-7644	SCIE IF: 6,84 Q1	80	Vol.16, pp. 939–950.	2018
13	OsHKT1;3 gene sequence polymorphisms and expression profile in rice (<i>Oryza sativa</i> L.)	5		African Journal of Agricultural Research, ISSN: 1991-637X	Scopus IF: 0,5 Q4	6	Vol. 13(46), pp. 2659-2667	2017
14	Global changes in gene expression, assayed by microarray hybridization and quantitative RT-PCR, during acclimation of three <i>Arabidopsis thaliana</i> accessions to sub-zero temperatures after cold acclimation	3	Tác giả đứng đầu	Plant Molecular Biology, ISSN : 0167-4412	SCIE IF: 2,304 Q1	55	87 (1-2): 1-15.	2015
II.3	Các bài báo không thuộc danh mục ISI/Scopus							

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15	Design of the CRISPR/Cas9-based OsNRAMP2 editing construct in TBR225 rice (<i>Oryza sativa</i> L.) variety	7	Tác giả liên hệ	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, E-ISSN: 2615-9937			67 (2): 61-66	06/2025
16	Design of CRISPR/Cas9 system for editing OsNRAMP7 involved in metal transport in TBR225 rice variety.	8		Vietnam Journal of Agriculture & Rural Development, ISSN: 2815-6110			2(2): 2-11.	2022
17	Thiết kế hệ thống CRISPR/Cas9 bất hoạt OsNRAMP5 liên quan tới tích lũy Cadmium ở lúa TBR225	7		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-0004			20(9): 1220-1229.	2022
18	Initial Evaluation of Antioxidant and Antibacterial Activities of Several Medicinal Plant Extracts Collected in Vietnam.	4	Tác giả liên hệ	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, DOI: 10.25073/2588-1140/vnunst.5306			Vol. 37, No. 3: 50-56.	2021
19	Osmotic stress acclimation of potato (<i>Solanum tuberosum</i> L.) HH7 variety seedlings induced	5	Tác giả đầu và Tác giả	Journal of Chemical, Biological and Physical Sciences - Sec. B.	International Scientific Indexing		Vol. 7, No. 2: 484-497	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	by germination in sorbitol containing medium in-vitro		liên hệ	E-ISSN: 2249-1929	IF ₂₀₂₃₋₂₀₂₄ : 3,013			
20	Xác định các gen mã hóa Nuclear factor-YB trên sắn (<i>Manihot esculenta</i> Crantz) bằng công cụ tin sinh học.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học tự nhiên và công nghệ, ISSN: 2615-9317		2	tập 33, số 1S, trang 133-137.	2017
21	Khả năng tập chống chịu hạn của khoai tây (<i>Solanum tuberosum</i> L.) giống Diamiant trên môi trường có bổ sung sorbitol.	2	Tác giả đầu	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học tự nhiên và công nghệ, ISSN: 2615-9317			tập 33, số 2S, trang 14-19	2017
22	Nhân giống vô tính giống gừng Trâu (<i>Zingiber officinale</i> (Willd.) Roscoe) bằng nuôi cấy cắt lát tế bào <i>in vitro</i> .	4		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học tự nhiên và công nghệ, ISSN: 2615-9317			tập 33, số 2S, trang 127-133	2017
23	Effects of salinity on soybean (<i>Glycine max</i> [L.] Merr.) DT26 cultivar.	2	Tác giả liên hệ	VNU Journal of Science - Natural Sciences and Technology, ISSN: 2615-9317		3	Vol. 32 (1S): 227-232	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
24	Evaluation of the proline content in tissue of soybean (<i>Glycine max</i> [L.] Merr.) DT26 cultivar during salt acclimation.	2	Tác giả đầu và Tác giả liên hệ	VNU Journal of Science - Natural Sciences and Technology, ISSN: 2615-9317		1	Vol. 32 (1S): 307-312	2016
25	Cây con khoai tây (<i>Solanum tuberosum</i> L.) HH7 thể hiện tính tập chống chịu sau giai đoạn nảy mầm trên môi trường được bổ sung sorbitol.	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học tự nhiên và công nghệ, ISSN: 2615-9317			tập 31, số 4S, trang 276-281	2015
26	Increase of Shoot Multiplication and Shoot Height during Salt Acclimation of Potato (<i>Solanum tuberosum</i> L.) HH7 Seedlings.	5	Tác giả đầu và Tác giả liên hệ	VNU Journal of Science - Natural Sciences and Technology, ISSN: 2615-9317			Vol 6S-C: 664-669.	2014
27	Germination Ability of Orchid Coated Seeds.	2	Tác giả đầu và Tác giả liên hệ	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, ISSN: 2615-9317			Vol. 30, No. 3S: 220-225	2014
28	Comparison of <i>COR</i> gene expressions during sub-zero	1	Tác giả	VNU Journal of Science: Natural Sciences and			Vol. 28 (2S): 170-	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	acclimation in <i>Arabidopsis thaliana</i> estimated by qRT-PCR and microarray hybridization.			Technology, ISSN: 2615-9317			179	
29	So sánh phương pháp qRT-PCR và microarray qua sự biểu hiện của một số gen CBF trong cơ chế tập chống chịu lạnh pha hai ở <i>Arabidopsis thaliana</i> .	1	Tác giả	Tạp chí Khoa học tự nhiên và công nghệ, ISSN: 2615-9317			Vol 50 (3D): 850-859.	2012
30	Nghiên cứu đánh giá dòng lúa chuyển gen siêu biểu hiện và bất hoạt yếu tố phiên mã OsMADS26.	6		Tạp chí Công nghệ sinh học, ISSN: 1811-4989			số 9(2), trang 195-208	2011
31	Nghiên cứu phân lập, giải trình tự một số gien của virus gây bệnh lùn lúa cỏ (RGSV) và lúa lùn xoắn lá (RRSV) từ mẫu lúa nhiễm bệnh tại Việt Nam.	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			Số 18 năm 2010 Trang 3 – 8.	2010
II.4	Các bài toàn văn đăng trên kỷ yếu hội nghị/hội thảo khoa học							
32	Phân tích các đặc điểm của họ protein vacuolar iron transposter (VIT) và dữ liệu biểu hiện họ gen OsVIT ở lúa bằng	3	Tác giả đầu và Tác giả liên	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2024, NXB Đại học Huế. ISBN:			trang 130-135.	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	công cụ tin sinh học.		hệ	978-604-357-052-6.				
33	Nghiên cứu biểu hiện của các gen thuộc họ gen mã hóa protein vận chuyển sắt trong không bào ở <i>Arabidopsis thaliana</i> (AtVIT) trong điều kiện tập chống chịu lạnh.	2	Tác giả liên hệ	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2023, NXB KIITN&CN ISBN: 978-604-357-052-6.			trang 72-78.	2023
34	Nghiên cứu biểu hiện các gen vận chuyển khoáng <i>NRAMP</i> ở <i>Arabidopsis thaliana</i> trong điều kiện nhiệt độ âm.	7	Tác giả liên hệ	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2023, NXB KHTN&CN ISBN: 978-604-357-052-6.			trang 105-110	2023
35	Đánh giá mức độ biểu hiện của họ gen <i>YSL</i> trong điều kiện lạnh âm ở cây <i>Arabidopsis thaliana</i> .	7	Tác giả liên hệ	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2023, NXB KHTN&CN ISBN: 978-604-357-052-6.			trang 1125-1131	2023
36	Mức độ biểu hiện và vai trò của một số gen yếu tố phiên mã với tính tập chống chịu lạnh âm trong giai đoạn sớm ở cây	1	Tác giả	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2022, NXB KHTN&CN.			trang 107-112.	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	<i>Arabidopsis thaliana</i> .			ISBN: 978-604-357-052-6.				
37	Đánh giá một số chỉ thị phân tử liên quan đến hàm lượng kẽm và sắt thấp trong hạt lúa (<i>Oryza sativa</i> L.).	6	Tác giả liên hệ	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2022, NXB KHTN&CN. ISBN: 978-604-357-052-6.			trang 799-805.	2022
38	Bước đầu nghiên cứu biểu hiện gen của một số giống khoai tây chịu hạn và miễn cảm với hạn bằng qRT-PCR.	4	Tác giả liên hệ	Báo cáo khoa học Hội nghị Công nghệ sinh học Toàn quốc 2021, ISBN 978-604-9987-88-5			trang 616-621.	2021
39	Vì nhân giống và hạt nhân tạo - áp dụng trên 2 loài lan Ngọc điểm (<i>Rhynchostylis gigantea</i> [Lindl.] Rild.) và Hoàng lạp (<i>Dendrobium griffithianum</i> Lindl.).	2	Tác giả đầu và Tác giả liên hệ	Sức khỏe & Môi trường, Hội nghị Nữ khoa học toàn quốc lần thứ 2, Hà Nội 2020. ISSN 0866-7705			Số 93, trang 103-107.	2020

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **05 bài (TT: 4, 5, 6, 8, 14)**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---------------------------------------	---	----------------	--------------------

				hoặc ISBN			
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (chủ trì/tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: **Không**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy + Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ...

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Quỳnh Mai

11-2-20

11-2-20